Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 9027.81.00

Mã HS	9027.81.00
Mô tả hàng hóa	Dụng cụ và thiết bị phân tích lý hoặc hóa học (ví dụ, máy đo phân cực, đo khúc xạ, quang phổ kế, máy phân tích khí hoặc khói); dụng cụ và thiết bị đo hoặc kiểm tra độ nhớt, độ xốp, độ giãn nở, sức căng bề mặt hoặc các loại tương tự; dụng cụ và thiết bị đo hoặc kiểm tra nhiệt lượng, âm lượng hoặc ánh sáng (kể cả máy đo độ phơi sáng); thiết bị vi phẫu / - Dụng cụ và thiết bị khác: / - - Khối phổ kế
Đơn vị	chiếc/bộ
Thời điểm tạo	09/11/2026 09:49:57
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/90278100/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K18175
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N18175
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q18175
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái

AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VNCU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2023 - 2027	VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E17498
ATIGA	2022	2022	0	AT!E17427
ATIGA	2023	2023	0	AT!F17427
ATIGA	2024	2024	0	AT!G17427
ATIGA	2025	2025	0	AT!H17427
ATIGA	2026	2026	0	AT!I17427
ATIGA	2027	2027	0	AT!J17427
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E17483
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F17483
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G17483
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H17483

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I17483
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J17483
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E17484
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F17484
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G17484
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H17484
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I17484
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J17484
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F17489
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H17445
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F17441
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G17441
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H17441
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I17441
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J17441
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K17441
VKFTA	2022	2022	0	VK!E17487
VKFTA	2023	2023	0	VK!F17487
VKFTA	2024	2024	0	VK!G17487
VKFTA	2025	2025	0	VK!H17487
VKFTA	2026	2026	0	VK!I17487
VKFTA	2027	2027	0	VK!J17487
VCFTA	2022	2022	0	VC!D17549
VCFTA	2023	2023	0	VC!E17549
VCFTA	2024	2024	0	VC!F17549
VCFTA	2025	2025	0	VC!G17549

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2026	2026	0	VC!H17549
VCFTA	2027	2027	0	VC!I17549
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D17525
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E17525
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F17525
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G17525
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H17525
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I17525
VNCU	2022	2022	0	VNCU!D1053
VNCU	2023 - 2027		0	VNCU!E1053
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D17520
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E17520
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F17520
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G17520
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H17520
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I17520
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D17550
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E17550
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F17550
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G17550
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H17550
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I17550
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D17549
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E17549
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F17549
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G17549

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H17549
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I17549
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D17643
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E17643
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F17643
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G17643
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H17643
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I17643
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J17643
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D17512
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E17512
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F17512
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G17512
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H17512
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I17512
RCEP B	2022	2022	0	B!D17512
RCEP B	2023	2023	0	B!E17512
RCEP B	2024	2024	0	B!F17512
RCEP B	2025	2025	0	B!G17512
RCEP B	2026	2026	0	B!H17512
RCEP B	2027	2027	0	B!I17512
RCEP C	2022	2022	0	C!D17510
RCEP C	2023	2023	0	C!E17510
RCEP C	2024	2024	0	C!F17510
RCEP C	2025	2025	0	C!G17510
RCEP C	2026	2026	0	C!H17510

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I17510
RCEP D	2022	2022	0	D!D17509
RCEP D	2023	2023	0	D!E17509
RCEP D	2024	2024	0	D!F17509
RCEP D	2025	2025	0	D!G17509
RCEP D	2026	2026	0	D!H17509
RCEP D	2027	2027	0	D!I17509
RCEP E	2022	2022	0	E!D17513
RCEP E	2023	2023	0	E!E17513
RCEP E	2024	2024	0	E!F17513
RCEP E	2025	2025	0	E!G17513
RCEP E	2026	2026	0	E!H17513
RCEP E	2027	2027	0	E!I17513
RCEP F	2022	2022	0	F!D17512
RCEP F	2023	2023	0	F!E17512
RCEP F	2024	2024	0	F!F17512
RCEP F	2025	2025	0	F!G17512
RCEP F	2026	2026	0	F!H17512
RCEP F	2027	2027	0	F!I17512
VIFTA	2024	2024	0	VI!F16417
VIFTA	2025	2025	0	VI!G16417
VIFTA	2026	2026	0	VI!H16417
VIFTA	2027	2027	0	VI!I16417

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-004	YELLOW	Mã HS mới từ Danh mục 2023	Mã 9027.81.00 được đánh dấu là mã mới bổ sung trong biểu thuế 2023 (worksheet MOI). Hợp đồng, C/O hoặc tài liệu cũ có thể dùng mã 2017.	MOI: 9027.81.00	31/2022/TT-BTC	Đảm bảo C/O và chứng từ thể hiện mã HS phù hợp; file nguồn không cung cấp bảng tương quan mã cũ–mới.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 9027.81.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 9027.81.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N18175), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.